

## THÔNG BÁO

### Về việc công bố công khai Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2025 -2026

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH\_THDL ngày 12/9/2025 của Trường Tiểu học Đoàn Lập về thực hiện công tác công khai năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-THDL ngày 16/9/2025 của Trường tiểu học Đoàn Lập về việc công khai Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2025-2026.

Trường Tiểu học Đoàn Lập thông báo về việc niêm yết công khai như sau:

**1. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai:** Ban chỉ đạo chỉ đạo thực hiện quy định công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025 – 2026.

**2. Địa điểm niêm yết:** Bảng tin công khai, Website <http://thdoanlap.haiphong.edu.vn>. Kỳ họp hội đồng sư phạm.

**3. Thời gian niêm yết:** Từ ngày 16 tháng 9 năm 2025 đến hết ngày 15 tháng 10 năm 2025.

**4. Thời gian nhận ý kiến phản hồi:** Từ ngày 16 tháng 9 năm 2025 đến hết ngày 15 tháng 10 năm 2025.

**5. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi:** Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hộp thư của nhà trường. (Địa chỉ: <http://thdoanlap.haiphong.edu.vn>.)

**6. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc:** Chậm nhất là 25/10/2025

**Nơi nhận:**

- Bộ phận công khai;
- Phó HT, CTCĐ, các tổ;
- Lưu :VT, KT.



**Vũ Thị Minh**

Số: 112/QĐ-THĐL

Tân Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2025 -2026

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN LẬP

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH\_THĐL ngày 12/9/2025 của Trường Tiểu học Đoàn Lập về thực hiện công tác công khai năm học 2025-2026;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2025-2026;  
( Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2025-2026 kèm theo)

**Điều 2.** Thời gian công khai: Từ ngày 16 tháng 9 năm 2025 đến hết ngày 15 tháng 10 năm 2025.

**Điều 3.** Các ông (bà) Phó hiệu trưởng, Kế toán, Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu :VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Minh

**KẾ HOẠCH**  
**Thu, chi tài chính năm học 2025- 2026**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP); Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 97/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 Quy định việc quản lý trong các cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Nghị quyết số 217/2025/QH15);

Căn cứ công văn 4555/ BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn 4567/ BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi trên ngày đối với Giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý

thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ các hướng dẫn của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài Chính: Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 Về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 146/2025/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Công văn số 6482/SGDĐT-GDTrH ngày 11/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố về việc hướng dẫn thực hiện quy định về hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Công văn số 6126/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Công văn số 27/BHXXH ngày 13/8/2025 của BHXH cơ sở Tiên Lãng về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên;

Căn cứ vào Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh trường, biên bản thỏa thuận thu góp năm học 2025-2026 với Ban ĐDCMHS các lớp ngày 05/9/2025 thống nhất một số khoản đóng góp của học sinh;

Căn cứ đặc điểm, tình hình nhà trường, trường tiểu học Đoàn Lập xây dựng kế hoạch thu - chi tài chính năm học 2025- 2026 như sau:

## **II. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

1. Tạo quyền tự chủ động cho thủ trưởng đơn vị trong việc quản lý và chi tiêu tài chính, gắn trách nhiệm của thủ trưởng và cán bộ, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo qui định hiện hành của nhà nước và theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về qui định quy chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp.

3. Thực hiện quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị theo qui định của các cấp quản lý.

### III. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TRƯỜNG

#### 1. Đội ngũ:

| CBGV, CNV           | TS | NỮ |           | ĐV | TRÌNH ĐỘ |    |    |     | BIÊN CHẾ | HĐ HUYỆN |
|---------------------|----|----|-----------|----|----------|----|----|-----|----------|----------|
|                     |    | SL | Tỷ lệ (%) |    | ĐH       | CĐ | TC | <TC |          |          |
| <b>Tổng số</b>      | 40 | 38 | 95        | 24 | 36       | 3  | 1  | 1   | 37       | 3        |
| <b>BGH</b>          | 2  | 2  | 100       | 2  | 2        | 0  | 0  | 0   | 2        | 0        |
| <b>GV giảng dạy</b> | 33 | 32 | 96.9      | 21 | 32       | 2  | 0  | 0   | 34       | 1        |
| <b>TPT</b>          | 1  | 1  | 100       | 0  | 1        | 0  | 0  | 0   | 1        | 0        |
| <b>Nhân viên</b>    | 3  | 3  | 100       | 1  | 1        | 1  | 1  | 0   | 2        | 1        |
| <b>Phục vụ, BV</b>  | 1  | 0  | 0         | 0  | 0        | 0  | 0  | 1   | 0        | 1        |

#### 3. Thuận lợi

- Được sự quan tâm của Xã, của địa phương.
- Cha mẹ học sinh quan tâm đến công tác giáo dục.
- Đã trang bị được ti vi cho các lớp phục vụ dạy, học.
- Có đủ phòng học, phòng chức năng để tổ chức 100% HS học 2 buổi/ ngày.

#### 4. Khó khăn

- Thiếu giáo viên để dạy 2 buổi/ ngày theo quy định.
- Tỷ lệ học sinh diện hộ nghèo, cận nghèo, HS có hoàn cảnh khó khăn cao.
- Thiếu thiết bị dạy học lớp 2;3;4;5 theo Chương trình GDPT 2018. Một số trang thiết bị dạy học đã cũ cần thay thế, sửa chữa.
- Một số phòng học bộ môn, phòng chức năng, sân chơi, công trình phụ trợ xây dựng đã lâu cần được sửa chữa.

### IV. NHIỆM VỤ

1. Thực hiện thu, chi các khoản từ học sinh theo đúng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn.

2. Thực hiện đúng Luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.

3. Tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm thu không dùng tiền mặt để thực hiện tốt công tác quản lý, minh bạch các khoản thu, đồng thời tạo điều kiện cho phụ huynh học sinh.

4. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ công tác chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ năm học.

5. Huy động xã hội hoá bổ sung trang thiết bị, cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ trong trường.

6. Thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định.

## **V. KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC KHOẢN TỪ HỌC SINH**

### **1. Khoản thu bảo hiểm y tế:**

#### **\* Kế hoạch thu**

Công văn số 27/BHXXH ngày 13/8/2025 của BHXH cơ sở Tiên Lãng về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh năm học 2025-2026.

- Đối tượng thu: Triển khai tới 100% học sinh trừ những học sinh đã có thẻ hộ nghèo, thẻ ưu tiên.

- Thời gian thu: Lớp 1 triển khai thu tháng 9/2025; Lớp 2,3,4,5 triển khai thu trong tháng 10/2025.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

| <b>STT</b> | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                 | <b>Ghi chú</b>                  |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1          | Mức thu BHYT 1 tháng<br>(Mức đóng bằng 4,5% mức lương cơ sở 2.340.000đ.<br>Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu bằng 50% mức đóng Bảo hiểm y tế) | 52.650 đồng/<br>tháng/ học sinh |
| 2          | Sĩ số học sinh mua BHYT 15 tháng<br>- HS sinh từ 01/01/2019 đến 01/10/2019.<br>- Hạn thẻ từ 01/10/2025 đến 31/12/2026                           | 86 học sinh                     |
| 3          | Sĩ số học sinh mua BHYT 14 tháng<br>- Học sinh sinh từ 02/10/2019 đến 01/11/2019:<br>- Hạn thẻ từ 01/11/2025 đến 31/12/2026):                   | 16 học sinh                     |
| 4          | Sĩ số học sinh mua BHYT 13 tháng<br>+ Học sinh sinh từ 02/11/2019 đến 01/12/2019:                                                               | 11 học sinh                     |

| STT | Nội dung                                                                                                                                                             | Ghi chú          |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|     | Hạn thẻ từ 01/12/2025 đến 31/12/2026)                                                                                                                                |                  |
| 5   | Sĩ số học sinh mua BHYT 12 tháng<br><i>Học sinh sinh từ 02/12/2019 đến 31/12/2019</i><br><i>Học sinh khối 2,3,4,5</i><br><i>Hạn thẻ từ 01/1/2026 đến 31/12/2026)</i> | 555 học sinh     |
| 6   | Số học sinh toàn trường:                                                                                                                                             | 688 học sinh     |
| 7   | Sĩ số HS thuộc diện có thẻ:                                                                                                                                          | 20 học sinh      |
| 8   | Dự kiến thu năm 2025:<br>( 86 x 15 + 16 x 14 + 11 x 13 + 555 x 12 ) x<br>52.650 đồng                                                                                 | 350.650.657 đồng |

**\* Kế hoạch chi:**

Mua 100% thẻ BHYT cho học sinh tại Bảo hiểm xã hội cơ sở Tiên Lãng.

**2. Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính**

**\* Kế hoạch thu:**

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định tối đa 10.000 đồng/HS/giờ (1 ngày không quá 03 giờ).

Căn cứ vào Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh trường, biên bản thỏa thuận thu góp năm học 2025-2026 với Ban ĐDCMHS các lớp ngày 05/9/2025 thống nhất một số khoản đóng góp của học sinh;

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng ký quản lý tại trường sau giờ học trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.
- Thời gian thu: Thu theo tháng.
- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

| STT | Nội dung                                                                                                      | Ghi chú                                                 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1   | Mức thu:                                                                                                      | 7.000 đồng/tiết/HS<br><i>Dự kiến học 18 tiết/ tháng</i> |
| 2   | Số học sinh toàn trường                                                                                       | 688 học sinh                                            |
| 3   | Sĩ số học sinh miễn do hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật, không nơi nương tựa, con giáo viên – nhân viên (100%): | 37 học sinh                                             |
| 4   | Sĩ số học sinh giảm do có hoàn cảnh khó khăn (50%):                                                           | 7 học sinh                                              |
| 5   | Dự kiến thu:<br>(644 x 7.000) + (7 x 3.500) x 9 tháng x 18 tiết                                               | 734.265.000 đồng                                        |

**\* Kế hoạch chi:**

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung chi                                    | Phụ cấp chức vụ | Tỉ lệ chi  | Số tiền           |
|-----|-------------------------------------------------|-----------------|------------|-------------------|
| 1   | Chi GVCN và GV trực tiếp quản lý học sinh.      |                 | 73%        | 536,013,450       |
| 2   | Chi cho công tác quản lý, chỉ đạo; quản lý quỹ. |                 | 16.5%      | 121,153,725       |
| -   | <i>Hiệu trưởng</i>                              | <i>0.4</i>      | <i>13%</i> | <i>54,545,400</i> |
| -   | <i>Phó Hiệu trưởng</i>                          | <i>0.3</i>      |            | <i>40,909,050</i> |
| -   | <i>Kế toán</i>                                  |                 | 2.50%      | 18,356,625        |
| -   | <i>Thủ quỹ</i>                                  |                 | 1%         | 7,342,650         |
| 3   | Chi bảo vệ, phục vụ                             |                 | 1.50%      | 11,013,975        |

| STT                          | Nội dung chi                          | Phụ cấp chức vụ | Tỉ lệ chi   | Số tiền            |
|------------------------------|---------------------------------------|-----------------|-------------|--------------------|
| -                            | Tổng phụ trách                        |                 | 0.50%       | 3,671,325          |
| -                            | Phục vụ                               |                 | 0.50%       | 3,671,325          |
| -                            | Bảo vệ                                |                 | 0.50%       | 3,671,325          |
| 4                            | Chi nộp nghĩa vụ với Nhà nước.        |                 | 2%          | 14,685,300         |
| 5                            | Chi hỗ trợ cơ sở vật chất, chuyên môn |                 | 7%          | 51,398,550         |
| <b>Tổng cộng dự kiến chi</b> |                                       |                 | <b>100%</b> | <b>734,265,000</b> |

### 3. Tiếng Anh giáo viên người nước ngoài

#### \* Kế hoạch chi:

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ( Quy định tối đa 35.000 đồng/tiết; tháng không quá 08 tiết).

Căn cứ vào Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh trường, biên bản thoả thuận thu góp năm học 2025-2026 với Ban ĐDCMHS các lớp ngày 05/9/2025 thống nhất một số khoản đóng góp của học sinh;

Căn cứ hợp đồng số 2505/TH-LKĐT-GVNN ngày 8 tháng 9 năm 2025 giữa trường tiểu học Đoàn Lập và công ty Cổ phần Đào tạo E-Connect Hải Phòng về liên kết đào tạo chương trình Tiếng Anh tăng cường đối với giáo viên nước ngoài.

- Đối tượng thu: Là những học sinh đang học tại trường tự nguyện đăng ký học tiếng Anh giáo viên người nước ngoài tại nhà trường hằng tháng.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

| STT | Nội dung                                                                                                          | Ghi chú                                        |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1   | Mức thu:                                                                                                          | 35.000 đồng/ tiết/HS<br>(Dự học 4 tiết/ tháng) |
| 2   | Số học sinh tham gia học                                                                                          | 534 học sinh                                   |
| 3   | Sĩ số học sinh được miễn do hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật không nơi nương tựa, con giáo viên – nhân viên (100%): | 42 học sinh                                    |
| 4   | Sĩ số học sinh được giảm do có hoàn cảnh khó khăn (50%):                                                          | 2 học sinh                                     |
| 5   | Dự kiến thu:<br>$(490 \times 35.000) + (2 \times 17.500) \times 9 \text{ tháng} \times 4 \text{ tiết}$            | 618.660.000đồng                                |

**\* Kế hoạch chi:**

Đơn vị tính: đồng

| STT             | Nội dung chi                                               | Phụ cấp chức vụ | Tỷ lệ (%)   | Số tiền            |
|-----------------|------------------------------------------------------------|-----------------|-------------|--------------------|
| 1               | Chi Trung tâm liên kết dạy                                 |                 | 84%         | 519,674,400        |
| 2               | Chi công tác quản lý BGH, GVCN, quản lý quỹ                |                 | 13%         | 80,425,800         |
| -               | Hiệu trưởng                                                | 0.4             | 7%          | 24,746,400         |
| -               | Phó Hiệu trưởng                                            | 0.3             |             | 18,559,800         |
| -               | Giáo viên chủ nhiệm                                        |                 | 4.%         | 24,746,400         |
| -               | Kế toán                                                    |                 | 1.5%        | 9,279,900          |
| -               | Thủ quỹ                                                    |                 | 0.5%        | 3,093,300          |
| 3               | Chi nộp thuế nhà nước và hỗ trợ cơ sở vật chất, chuyên môn |                 | 3%          | 18,559,800         |
| <b>Tổng chi</b> |                                                            |                 | <b>100%</b> | <b>618,660,000</b> |

#### 4. Kỹ năng sống

##### \*Kế hoạch thu

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ( quy định tối đa 35.000 đồng/tiết; tháng không quá 08 tiết)

Căn cứ vào Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh trường, biên bản thỏa thuận thu góp năm học 2025-2026 với Ban ĐDCMHS các lớp ngày 05/9/2025 thống nhất một số khoản đóng góp của học sinh;

Căn cứ hợp đồng số 02-AS/HĐTM-2025 ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa trường tiểu học Đoàn Lập và công ty TNHH Giáo dục Avits Cleverlearn Hải Phòng về triển khai chương trình kỹ năng sống 2025-2026.

Căn cứ hợp đồng số 45/HĐLK ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa trường tiểu học Đoàn Lập và công ty Cổ phần phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA về triển khai chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

- Đối tượng thu: Là những học sinh đang học tại trường tự nguyện đăng ký học học kỹ năng sống tại nhà trường hằng tháng.
- Thời gian thu: Thu theo tháng.
- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

| STT | Nội dung                                                                                                           | Ghi chú                                        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1   | Mức thu:                                                                                                           | 10.000 đồng/ tiết/HS<br>(Dự học 4 tiết/ tháng) |
| 2   | Số học sinh tham gia học                                                                                           | 573 học sinh                                   |
| 3   | Sĩ số học sinh được miễn do hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật, không nơi nương tựa, con giáo viên – nhân viên (100%): | 44 học sinh                                    |
| 4   | Dự kiến thu:<br>(529 x 10.000) x 9 tháng x 4 tiết                                                                  | 190.440.000 đồng                               |

**\* Kế hoạch chi:***Đơn vị tính: Đồng*

| STT                     | Nội dung chi                                   | Phụ cấp chức vụ | Tỷ lệ (%)   | Số tiền            |
|-------------------------|------------------------------------------------|-----------------|-------------|--------------------|
| 1                       | Chi Trung tâm liên kết dạy                     |                 | 84%         | 159,969,600        |
| 2                       | Chi công tác quản lý, quản lý quỹ              |                 | 12.50%      | 23,805,000         |
| -                       | Hiệu trưởng                                    | 0.4             | 10%         | 10,882,286         |
| -                       | Phó Hiệu trưởng                                | 0.3             |             | 8,161,714          |
| -                       | Kế toán                                        |                 | 1.75%       | 3,332,700          |
| -                       | Thủ quỹ                                        |                 | 0.75%       | 1,428,300          |
| 3                       | Chi nộp thuế nhà nước và hỗ trợ cơ sở vật chất |                 | 3.50%       | 6,665,400          |
| <b>Tổng chi dự kiến</b> |                                                |                 | <b>100%</b> | <b>190,440,000</b> |

**5. Stem Robotics AI 2025-2026****\* Kế hoạch thu**

Căn cứ Hướng dẫn số 5997/SGDĐT-GDĐT, GDNN&ĐHV ngày 27/8/2025 về hướng dẫn tổ chức, hoạt động đối với các trung tâm khác làm nhiệm vụ giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

Căn cứ vào Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh trường, biên bản thỏa thuận thu góp năm học 2025-2026 với Ban ĐDCMHS các lớp ngày 05/9/2025 thống nhất một số khoản đóng góp của học sinh;

Căn cứ hợp đồng số 02-AS/HDDTM-2025 ngày 8 tháng 9 năm 2025 giữa trường tiểu học Đoàn Lập và công ty TNHH Giáo dục Avits Cleverlearn HP về triển khai chương trình Stem Robotics AL 2025-2026.

- Đối tượng thu: Là những học sinh đang học tại trường tự nguyện đăng kí chương trình Stem Robotics AL 2025-2026 tại nhà trường hằng tháng.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.
- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

| STT | Nội dung                                        | Ghi chú                                        |
|-----|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1   | Mức thu:                                        | 30.000 đồng/ tiết/HS<br>(Dự học 4 tiết/ tháng) |
| 2   | Số học sinh tham gia học                        | 350 học sinh                                   |
| 3   | Dự kiến thu:<br>350 x 30.000 x 4 tiết x 9 tháng | 378.000.000 đồng                               |

**\* Kế hoạch chi:**

Đơn vị tính: đồng

| STT             | Nội dung chi                                   | Phụ cấp chức vụ | Tỷ lệ (%)   | Số tiền            |
|-----------------|------------------------------------------------|-----------------|-------------|--------------------|
| 1               | Chi Trung tâm liên kết dạy                     |                 | 84%         | 317,520,000        |
| 2               | Chi công tác quản lý BGH, GVCN, quản lý quỹ    |                 | 13%         | 49,140,000         |
| -               | Hiệu trưởng                                    | 0.4             | 7%          | 15,120,000         |
| -               | Phó Hiệu trưởng                                | 0.3             |             | 11,340,000         |
| -               | Giáo viên chủ nhiệm                            |                 | 4.%         | 15,120,000         |
| -               | Kế toán                                        |                 | 1.5%        | 5,670,000          |
| -               | Thủ quỹ                                        |                 | 0.50%       | 1,890,000          |
| 3               | Chi nộp thuế nhà nước và hỗ trợ cơ sở vật chất |                 | 3%          | 11,340,000         |
| <b>Tổng chi</b> |                                                |                 | <b>100%</b> | <b>378,000,000</b> |

**6. Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động giáo dục dạy học 2 buổi/ngày**

**\* Kế hoạch thu:**

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (Quy định tối đa 30.000 đồng/HS/tháng).

Căn cứ vào Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh trường, biên bản thỏa thuận thu góp năm học 2025-2026 với Ban ĐDCMHS các lớp ngày 05/9/2025 thống nhất một số khoản đóng góp của học sinh;

- Đối tượng thu: Là những học sinh tự nguyện đăng kí học 2 buổi/ngày.
- Thời gian thu: Thu theo tháng.
- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

| STT | Nội dung                                  | Ghi chú               |
|-----|-------------------------------------------|-----------------------|
| 1   | Mức thu:                                  | 30.000 đồng/ tháng/HS |
| 2   | Số học sinh toàn trường                   | 688 học sinh          |
| 3   | Miễn học sinh hộ cận nghèo (100%):        | 5 học sinh            |
| 6   | Dự kiến thu:<br>( 683 x 30.000 x 9 tháng) | 184.410.000 đồng      |

**\* Kế hoạch chi:**

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Nội dung chi                       | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền |
|-----|------------------------------------|-------------|----------|-----------|------------|
| 1   | Hỗ trợ tiền điện                   | Tháng       | 9        | 9,500,000 | 85,500,000 |
| 2   | Hỗ trợ tiền nước sạch              | Tháng       | 9        | 1,200,000 | 10,800,000 |
| 3   | Mua tivi phòng học                 | Bộ          | 2        | 9,500,000 | 19,000,000 |
| 4   | Mua bạt che nắng phòng học         | Cái         | 3        | 3,500,000 | 10,500,000 |
| 5   | Hỗ trợ bảo dưỡng phòng máy vi tính | Tháng       | 9        | 1,200,000 | 10,800,000 |
| 6   | Mua bảng viết phòng học            | cái         | 4        | 6,200,000 | 24,800,000 |

| STT                     | Nội dung chi                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá    | Thành tiền         |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|------------|--------------------|
| 7                       | Sửa chữa cơ sở vật chất<br>( tivi, máy soi, bàn ghế,<br>điện nước, ánh sáng phòng<br>học, điều hoà....) | Năm học     | 1        | 28,810,000 | 23,010,000         |
| <b>Tổng dự kiến chi</b> |                                                                                                         |             |          |            | <b>184,410,000</b> |

## 7. Phục vụ ăn bán trú.

### \* Kế hoạch thu:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (quy định tối đa 30.000 đồng/HS/ ngày).

Căn cứ vào biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh trường ngày 7/9/2025 thống nhất một số khoản đóng góp của học sinh.

Căn cứ hợp đồng số 10/2025/HĐDV/TPHP-THDOANLAP ngày 7 tháng 9 năm 2025 giữa trường tiểu học Đoàn Lập và công ty TNHH Phát triển và thương mại thực phẩm Hải Phòng về hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn.

- Đối tượng thu: Thu theo thực tế số lượng học sinh đăng kí ăn bán trú của từng tháng và số bữa ăn thực tế hằng tháng ( trung bình hằng tháng 18 ngày ăn)

- Thời gian thu: triển khai thu theo tháng.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

| STT | Nội dung                                       | Ghi chú                                                 |
|-----|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1   | Mức thu                                        | 27.000 đồng/ngày/học sinh<br>(gồm bữa chính và bữa phụ) |
|     | Sĩ số tham gia                                 | 534                                                     |
| 2   | Dự kiến thu:<br>534 x 27.000 x18 bữa x 9 tháng | 2.335.716.000 đồng                                      |

### \* Kế hoạch chi:

Chi trả 100% số tiền thu cho công ty TNHH Phát triển và thương mại thực phẩm Hải Phòng

## 8. Phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú

### \* Kế hoạch thu:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (quy định tối đa 30.000 đồng/HS/ ngày).

Căn cứ vào Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh trường, biên bản thỏa thuận thu góp năm học 2025-2026 với Ban ĐDCMHS các lớp ngày 05/9/2025 thống nhất một số khoản đóng góp của học sinh;

Đối tượng thu: Thu theo thực tế số lượng học sinh đăng kí ăn bán trú của từng tháng và số bữa ăn thực tế hằng tháng ( trung bình hằng tháng 18 ngày ăn)

Thời gian thu: triển khai thu theo tháng.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

| STT | Nội dung                                        | Ghi chú            |
|-----|-------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | Mức thu                                         | 6.500 đồng/ngày/HS |
| 2   | Số học sinh                                     | 534 học sinh       |
| 3   | Số HS diện miễn giảm                            | 11 học sinh        |
| 4   | Dự kiến thu:<br>523 x 6.500 x 20 ngày x 9 tháng | 550.719.000 đồng   |

### \* Kế hoạch chi

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Nội dung chi                                                                     | Phụ cấp chức vụ | Tỷ lệ chi | Số tiền     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|-------------|
|     |                                                                                  |                 | ( %)      |             |
| 1   | Chi cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. |                 | 70%       | 428,337,000 |
| 2   | Chi công tác quản lý của giáo viên chủ nhiệm.                                    |                 | 5%        | 30,595,500  |
| 3   | Chi công tác quản lý, quản lý quỹ.                                               |                 | 18.50%    | 113,203,350 |

| STT                     | Nội dung chi                                   | Phụ cấp chức vụ | Tỉ lệ chi   | Số tiền            |
|-------------------------|------------------------------------------------|-----------------|-------------|--------------------|
|                         |                                                |                 | ( %)        |                    |
| -                       | Hiệu trưởng                                    | 0.4             | 14%         | 48,952,800         |
| -                       | Phó Hiệu trưởng                                | 0.3             |             | 36,714,600         |
| -                       | Kế toán                                        |                 | 3.5%        | 21,416,850         |
| -                       | Thủ quỹ                                        |                 | 1. %        | 6,119,100          |
| 4                       | Chi giám sát bán trú, bảo vệ bán trú.          |                 | 0.5%        | 3,059,550          |
| 5                       | Chi nộp nghĩa vụ với Nhà nước.                 |                 | 2%          | 12,238,200         |
| 6                       | Hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ chăm sóc bán trú |                 | 4%          | 24,476,400         |
| <b>Tổng cộng dự chi</b> |                                                | <b>0.7</b>      | <b>100%</b> | <b>611,910,000</b> |

(Số tiền thu, chi cụ thể hàng tháng có thể tăng lên hoặc giảm xuống do số lượng học sinh ăn).

#### **9. Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh (mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân)**

##### **\* Kế hoạch thu:**

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ( quy định tối đa 360.000 đồng đối với (trẻ) học sinh mới tuyển lớp 1 hoặc lần đầu thu 200.000 đồng/HS; HS lớp 2,3,4,5 thu 125.000 đ/HS).

Căn cứ vào Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh trường, biên bản thoả thuận thu góp năm học 2025-2026 với Ban ĐDCMHS các lớp ngày 05/9/2025 thống nhất một số khoản đóng góp của học sinh;

- Đối tượng thu: Là những học sinh đăng kí ăn bán trú tại trường trên tinh thần tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Thời gian thu: Triển khai thu đầu năm học tháng 10/2025 và thu bổ sung đối với học sinh ăn bán trú lần đầu ( nếu có)

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

| STT | Nội dung                                        | Ghi chú                            |
|-----|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1   | Mức thu học sinh mới tuyển hoặc lần đầu         | 200.000 đồng/<br>năm học/học sinh  |
| 2   | Mức thu học sinh đã ăn những năm trước:         | 125.000 đồng/<br>năm học /học sinh |
| 3   | Số học sinh toàn trường:                        | 534 học sinh                       |
| 4   | Học sinh tuyển mới                              | 117 học sinh                       |
| 5   | Học sinh đã ăn những năm trước                  | 417 học sinh                       |
| 6   | Dự kiến thu<br>( 117 x 200.000 + 417 x 125.000) | 75.525.000 đồng                    |

**\* Kế hoạch chi:**

(Đvt: đồng)

| STT | Nội dung chi                                   | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng | Đơn giá dự<br>kiến | Số tiền    |
|-----|------------------------------------------------|----------------|-------------|--------------------|------------|
| 1   | Mua gối cho học sinh                           | Chiếc          | 550         | 35,000             | 19,250,000 |
| 2   | Mua chăn cho HS                                | Chiếc          | 27          | 280,000            | 7.560.000  |
| 3   | Mua đệm cho HS                                 | Chiếc          | 36          | 250,000            | 9,000,000  |
| 5   | Mua cây lau nhà                                | Cây            | 28          | 100,000            | 2,800,000  |
| 6   | Mua xô nhựa                                    | Cái            | 14          | 55,000             | 770,000    |
| 7   | Mua giường gấp                                 | Chiếc          | 7           | 550,000            | 3,850,000  |
| 9   | Kẹp khăn mặt                                   | Vi             | 28          | 35,000             | 980,000    |
| 10  | Mua nước lau sàn<br>phòng ăn, ngủ              | chai           | 126         | 35,000             | 4,410,000  |
| 11  | Cồn sát khuẩn, dung dịch<br>zaven, vim bồn cầu | chai           | 126         | 20.000             | 2.520.000  |

| STT                | Nội dung chi                              | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá dự kiến | Số tiền           |
|--------------------|-------------------------------------------|-------------|----------|-----------------|-------------------|
| 12                 | Giấy ăn; giấy vệ sinh                     | bịch        | 126      | 40,000          | 5,040,000         |
| 13                 | Xà phòng rửa tay                          | bánh        | 180      | 14,000          | 2,520,000         |
| 14                 | Giặt vỏ gối, ga, chăn                     |             |          |                 | 12,600,000        |
| 15                 | Sửa bàn, quạt, điện, tủ phòng ngủ bán trú |             |          |                 | 4,225,000         |
| <b>Tổng dự chi</b> |                                           |             |          |                 | <b>75,525,000</b> |

### 10. Dịch vụ trông giữ xe cho học sinh

#### \* Kế hoạch thu:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định tối đa 10.000 đồng/HS/giờ (1 ngày không quá 03 giờ).

Căn cứ vào Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh trường, biên bản thỏa thuận thu góp năm học 2025-2026 với Ban ĐDCMHS các lớp ngày 05/9/2025 thống nhất một số khoản đóng góp của học sinh;

- Đối tượng thu: Là những học sinh đang học tại trường có đăng ký gửi xe trong nhà trường hằng tháng.

- Thời gian thu: Thu theo tháng.

- Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

| STT | Nội dung                                                                               | Ghi chú                    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 1   | Mức thu:                                                                               | 20.000 đồng/tháng/học sinh |
| 2   | Số học sinh tham gia hằng tháng                                                        | 125 học sinh               |
| 3   | Sĩ số học sinh được miễn do hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật không nơi nương tựa (100%): | 12 học sinh                |
| 4   | Dự kiến thu:<br>113 em x 20.000 x 9 tháng                                              | 20.340.000 đồng            |

#### \* Kế hoạch chi

Đơn vị tính: Đồng

| STT             | Nội dung chi                                 | Tỷ lệ (%) | Số tiền           |
|-----------------|----------------------------------------------|-----------|-------------------|
| 1               | Chi cho nhân viên bảo vệ trực tiếp trông xe: | 70%       | 14,238,000        |
| 2               | Chi sửa chữa CSVC phục vụ trông xe           | 20%       | 4,068,000         |
| 3               | Chi nộp nghĩa vụ với Nhà nước                | 10%       | 2,034,000         |
| <b>Tổng chi</b> |                                              |           | <b>20,340,000</b> |

**11. Nước uống cho học sinh***\* Kế hoạch thu:*

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ( quy định tối đa 10.000đồng/ học sinh/ tháng)

Căn cứ vào Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh trường, biên bản thỏa thuận thu góp năm học 2025-2026 với Ban ĐDCMHS các lớp ngày 05/9/2025 thống nhất một số khoản đóng góp của học sinh;

- Đối tượng thu: Là những học sinh đang học tại trường có đăng kí sử dụng nước uống trong nhà trường.

- Thời gian thu: Chia 2 kì thu tháng 12/2025 thu tiền nước học kì I năm học; Tháng 5/2026 thu học kì II .

Hình thức thu: Chuyển khoản qua liên kết ngân hàng.

| STT | Nội dung                                                                                                        | Ghi chú                |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1   | Mức thu:                                                                                                        | 10.000 đồng/ HS/ tháng |
| 2   | Số học sinh toàn trường                                                                                         | 688 học sinh           |
| 3   | Sĩ số học sinh miễn do có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật không nơi nương tựa, con giáo viên – nhân viên (100%): | 44 học sinh            |
| 4   | Dự kiến thu:<br>644 x 10.000 x 9 tháng                                                                          | 57.960.000 đồng        |

**\* Kế hoạch chi:**

- Chi trả đơn vị cung cấp nước uống học sinh: 57.960.000 đồng.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Ban giám hiệu:** Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, báo cáo Hội đồng giáo dục xã, Chi bộ, công khai kế hoạch tài chính thu - chi để CBGV, NV, CMHS được biết và tham gia ý kiến; tổ chức kí biên bản thỏa thuận với cha mẹ học sinh các khoản thu để tổ chức dịch vụ giáo dục, các khoản thu hộ, chi hộ.

Triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thu, chi của giáo viên chủ nhiệm các lớp, của bộ phận kế toán tài vụ; duyệt chi; duyệt các báo cáo tổng hợp số liệu, báo cáo quyết toán; xử lý các cá nhân vi phạm trong công tác tài chính.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các quy định hiện hành về chế độ công khai.

Chỉ đạo việc quyết toán thu, chi và công khai theo đúng quy định của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các quy định hiện hành về chế độ công khai. Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

**2. Giáo viên chủ nhiệm các lớp:** Có trách nhiệm phối hợp với bộ phận tài vụ triển khai phần mềm thu không dùng tiền mặt, triển khai thu các khoản đóng góp, mua hộ học sinh theo đúng tính chất, mức thu, thời gian thu đến tất cả CMHS trong lớp. Không ép buộc phụ huynh đối với các khoản thu tự nguyện, không thu dồn các khoản vào đầu năm.

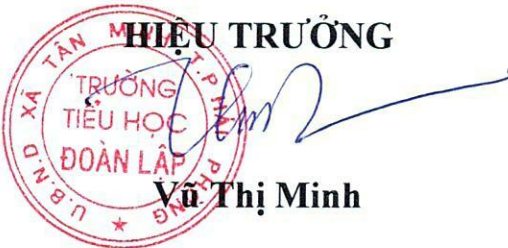
**3. Ban đại diện cha mẹ học sinh:** Có trách nhiệm phối hợp cùng nhà trường tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện các khoản thu, chi.

**4. Bộ phận tài vụ:** Có trách nhiệm triển khai áp dụng phần mềm thu không dùng tiền mặt; tổng hợp số liệu; lập hồ sơ theo quy định của Luật Kế toán; tham mưu cho Hiệu trưởng về các mục chi, định mức chi để đảm bảo theo đúng quy định của công tác tài chính hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, các cá nhân, bộ phận kịp thời báo cáo hiệu trưởng để có hướng giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- UBND xã (để BC);
- Ban đại diện CMHS (để GS);
- Các bộ phận (để TH);
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Vũ Thị Minh**